

Nghị quyết số: 08/2026/UBTVQH16

NGHỊ QUYẾT

**Về nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng
cho từng địa phương trong giai đoạn 2027 - 2030**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 145/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí phân chia thuế giá trị gia tăng phần ngân sách các địa phương được hưởng cho từng tỉnh, thành phố (sau đây gọi là địa phương) quy định tại điểm e khoản 2 Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân chia thuế giá trị gia tăng.

Điều 3. Nguyên tắc phân chia

1. Việc phân chia thuế giá trị gia tăng gắn với mức độ phát triển kinh tế - xã hội và tiêu dùng cuối cùng hàng hóa, dịch vụ của từng địa phương, bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất.

2. Rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra và giám sát; công bằng, công khai, minh bạch và ổn định trong giai đoạn ngân sách, tạo điều kiện để các địa phương chủ động trong lập và điều hành ngân sách hằng năm.

Điều 4. Tiêu chí, số liệu và phương pháp phân chia

1. Tiêu chí và số liệu phân chia:

a) Tiêu chí dân số: Dân số đến 01 triệu người được tính 60 điểm; trên 01 triệu người đến 02 triệu người, cứ tăng thêm 05 nghìn người được tính 0,25 điểm; trên 02 triệu người đến 03 triệu người, cứ tăng thêm 05 nghìn người được tính 0,2 điểm; trên 03 triệu người cứ tăng thêm 05 nghìn người được tính 0,15 điểm. Số liệu dân số trung bình của năm trước liền kề của năm lập dự toán ngân sách do Cục Thống kê công bố;

b) Tiêu chí diện tích tự nhiên: Diện tích tự nhiên đến 3.000 km² được tính 20 điểm; trên 3.000 km² đến 5.000 km², cứ tăng thêm 10 km² được tính 0,03 điểm; trên 5.000 km² đến 10.000 km², cứ tăng thêm 10 km² được tính 0,02 điểm; trên 10.000 km², cứ tăng thêm 10 km² được tính 0,01 điểm. Số liệu diện tích tự nhiên tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm trước liền kề của năm lập dự toán ngân sách do Cục Thống kê công bố;

c) Tiêu chí GRDP bình quân đầu người: GRDP bình quân đầu người đến 50 triệu đồng/người được tính 25 điểm; trên 50 triệu đồng/người đến 100 triệu đồng/người, cứ tăng thêm 5 triệu đồng/người được tính 2 điểm; trên 100 triệu đồng/người đến 200 triệu đồng/người, cứ tăng thêm 5 triệu đồng/người được tính 1,5 điểm; trên 200 triệu đồng/người, cứ tăng thêm 5 triệu đồng/người được tính 0,5 điểm. Số liệu GRDP bình quân đầu người của năm trước liền kề của năm lập dự toán ngân sách do Cục Thống kê công bố.

2. Phương pháp xác định tỷ lệ, số thuế giá trị gia tăng cho từng địa phương quy định tại Phụ lục đính kèm.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chính phủ:

a) Căn cứ quy định tại Nghị quyết này, xác định tỷ lệ phân chia và dự toán số thuế giá trị gia tăng phần ngân sách địa phương được hưởng của từng địa phương hằng năm, tổng hợp trong dự toán ngân sách nhà nước và phương án phân bổ ngân sách trung ương, trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Căn cứ số thu, số hoàn thuế giá trị gia tăng thực tế phát sinh, tổ chức thực hiện phân chia thuế giá trị gia tăng cho từng địa phương theo tỷ lệ phân chia đã được Quốc hội quyết định tại điểm a khoản này, bảo đảm kịp thời, đúng quy định.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân chia thuế giá trị gia tăng (phần ngân sách địa phương được hưởng) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2026 và áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2027 - 2030.

Điều 7. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XVI, Phiên họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2026.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Mẫn

PHỤ LỤC**Phương pháp xác định tỷ lệ, số thuế giá trị gia tăng cho từng địa phương***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2026/UBTVQH16 ngày 08 tháng 7 năm 2026)*

1. Phạm vi xác định tổng dự toán thu thuế giá trị gia tăng phân ngân sách các địa phương được hưởng tính theo công thức:

$$K = (A - B) \times 30\%$$

Trong đó:

+ K là tổng dự toán thu thuế giá trị gia tăng phân ngân sách các địa phương được hưởng quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này;

+ A là tổng dự toán thu thuế giá trị gia tăng của cả nước, không bao gồm dự toán thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm c, điểm o khoản 1 Điều 36, điểm g khoản 1 Điều 38 của Luật Ngân sách nhà nước.

+ B là số dự kiến hoàn thuế giá trị gia tăng của cả nước.

2. Căn cứ vào các tiêu chí tại khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết này để tính ra số điểm của từng địa phương làm căn cứ để phân chia theo các công thức sau:

- Tổng số điểm của từng địa phương là X_i , theo công thức:

$$X_i = a_i + b_i + c_i$$

Trong đó:

+ a_i là số điểm tính theo tiêu chí dân số của địa phương thứ i ;

+ b_i là số điểm tính theo tiêu chí diện tích tự nhiên của địa phương thứ i ;

+ c_i là số điểm tính theo tiêu chí GRDP bình quân đầu người của địa phương thứ i .

- Tổng số điểm của các địa phương là Y , theo công thức:

$$Y = \sum_{i=1}^{34} X_i$$

3. Tỷ lệ phân chia thuế giá trị gia tăng cho địa phương thứ i (tỷ lệ phân chia được làm tròn đến hai chữ số thập phân) là Z_i , theo công thức:

$$Z_i = \frac{X_i}{Y}$$

4. Dự toán thuế giá trị gia tăng phân chia cho địa phương thứ i là V_i , theo công thức:

$$V_i = Z_i \times K$$